TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2020/DS-ST
Ngày: 27 - 5 - 2020
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH Đ, TỈNH BẾN T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Quang;

Bà Võ Thị Mai;

- ***Thư kY phiên Tòa****:* Ông Phạm Hoàng Nhân – Thư kY Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÌNH Đ, tỉnh BẾN T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lY số: 239/2019/TLST – DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp " Hợp đồng góp hụi " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-DS ngày 08/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Nguyễn Phạm Thị Như Y,** sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phước H, xã Thạnh Ph, huyện Bình Đ, tỉnh Bến T.

- *Bị đơn:* **Bà Ngô Thị H,** sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phước Hòa, xã Thạnh Phước, huyện Bình Đ, tỉnh Bến T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Trịnh Văn S**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Phước H, xã Thạnh Ph, huyện Bình Đ, tỉnh Bến T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/2/2020, bản tự khai ngày 18/10/2019, biên bản hòa giải ngày 20/2/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Phạm Thị Như Y trình bày:*

Chị làm chủ hụi, bà H là hụi viên, bà H có tham gia chơi hai dây hụi do chị làm chủ, cụ thể:

+ Dây hụi thứ nhất: Hụi mở ngày 15/02/2018 (al), hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, có 27 phần, tháng khui một lần, khui vào ngày 15 âm lịch hàng tháng, bà H tham gia chơi một phần. Đến lần khui thứ hai ngày 15/3/2018 thì bà H hốt hụi, chị giao với số tiền 37.250.000 đồng. Sau khi hốt hụi, bà H đóng hụi chết được 10 kỳ với số tiền 20.000.000 đồng thì ngưng không đóng nữa. Dây hụi này mãn ngày 15/4/2020 (al). Như vậy, tính đến ngày mãn hụi bà H nợ chị tổng cộng 15 kỳ hụi chết với số tiền 30.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai: Hụi mở ngày 30/7/2018 (al), hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, có 28 phần, tháng khui một lần, khui vào ngày 30 âm lịch hàng tháng, bà H tham gia chơi ba phần, đều đã hốt chết, cụ thể: Lần hốt hụi thứ nhất, hốt ở kỳ khui hụi đầu tiên, chị giao số tiền 19.750.000 đồng, lần hốt hụi thứ hai, vào ngày 30/8/2018 ở kỳ khui hụi thứ hai, chị giao số tiền 18.700.000 đồng, lần hốt hụi thứ ba, vào ngày 30/10/2018, ở kỳ khui hụi thứ 4, chị giao số tiền 17.850.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà H đóng hụi chết được 1 tháng, với số tiền của ba phần là 3.000.000 đồng. Dây hụi này đến ngày 30/10/2020 (al) mới mãn. Như vậy, tính đến ngày mãn hụi thì bà H còn nợ lại chị 23 kỳ hụi chết, với số tiền 69.000.000 đồng.

Sau đó, bà H đã trả được cho chị nhiều lần tổng cộng với số tiền là 17.500.000 đồng, còn nợ lại 81.500.000 đồng đến nay chưa trả.

Tại tòa, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Ngô Thị H và ông Trịnh Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền 81.500.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi.

** Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2020 bị đơn bà Ngô Thị H trình bày như sau:*

Bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị Y về thông tin các dây hụi. Bà thừa nhận còn nợ chị Y tổng số tiền nợ hụi là 81.500.000 đồng và đồng Y trả cho chị Y số tiền như chị đã yêu cầu mặc dù có 01 dây hụi còn chưa kết thúc theo như thỏa thuận.

Tại tòa, bà H yêu cầu được trả dần hàng tháng, mỗi tháng với số tiền 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H khai nhận khi bà chơi hụi thì chồng bà là ông S không biết, nhưng mục đích bà hốt hụi bổ sung vốn mua bán để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của cả gia đình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ phát biểu Y kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư kY phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lY vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu Y kiến về việc giải quyết vụ án.*

- *Về thủ tục giải quyết vụ án:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc gởi Thông báo thụ lY vụ án cho Viện kiểm sát chưa đảm bảo thời gian theo luật định.

Hội đồng xét xử đã xét xử đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Về thu thập chứng cứ: Theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, có thực hiện theo nội quy phiên Tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, xét xử nhưng đều vắng mặt là không thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- *Y kiến về nội dung giải quyết vụ án:*

Tại phiên tòa, bị đơn công nhận toàn bộ những lời trình bày của nguyên đơn là đúng, thừa nhận còn nợ tiền hụi chết chưa đóng cho nguyên đơn là 81.500.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn phải trả số tiền 81.500.000 đồng là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự chấp nhận.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn S không thu thập được Y kiến của ông, tuy nhiên bà H thừa nhận bà chơi hụi ông S không biết nhưng mục đích của việc hốt hụi là để bổ sung vốn kinh doanh của bà nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của cả gia đình nên ông S là chồng bà H pH có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả số nợ trên cho chị Như Y theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Y kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Nguyễn Phạm Thị Như Y khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị H trả cho chị số tiền nợ hụi là 81.500.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Do hợp đồng góp hụi giữa chị Y và bà H được xác lập vào ngày 15/02/2018 và ngày 30/7/2018 trước ngày Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên xét về nội dung và hình thức nó phù hợp với quy định tại Nghị định này nên sẽ áp dụng theo quy định của Nghị định này để giải quyết được quy định tại Điều 27 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019.

[4] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Giấy xác nhận ngày 12/8/2019 của Công an xã Thạnh Phước, huyện Bình Đ, tỉnh Bến T thì bà Ngô Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn còn đang sinh sống tại ấp Phước Hòa, xã Thạnh Phước, huyện Bình Đ, tỉnh Bến T. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Đ, tỉnh Bến T.

- Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phạm Thị Như Y yêu cầu bà Ngô Thị H phải trả số tiền nợ hụi là 81.500.000 đồng.

[5] *Hội đồng xét xử xét thấy:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Phạm Thị Như Y yêu cầu bà Ngô Thị H phải trả cho bà số tiền nợ hụi là 81.500.000 đồng. Bà H thừa nhận biên nhận nợ do chị Y xuất trình cho Tòa án và được công khai cho bà biết là do bà kY tên, đồng thời, thống nhất có chơi hụi do chị Y làm chủ và còn nợ lại tiền hụi chết chưa đóng là 81.500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem đây là tình tiết, sự kiện không pH chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Từ cơ sở trên, xác định được bà H có chơi hụi do chị Như Y làm chủ. Trong quá trình chơi, bà H đã hốt hụi nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hụi chết, tính đến ngày mãn hụi bà H còn nợ chị Như Y với số tiền 81.500.000 đồng. Như vậy, chủ hụi là chị Như Y đã thực hiện đúng nghĩa vụ giao hụi cho bà H, nhưng bà H lại không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết cho chủ hụi là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, chị Như Y khởi kiện yêu cầu bà H pH trả tiền nợ hụi chết là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại tòa, chị Như Y không yêu cầu trả lãi đối với số tiền chậm góp hụi. Xét thấy, đây là quyền quyết định và định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Xét yêu cầu bà Ngô Thị H và ông Trịnh Văn S cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Ph và bản trích lục kết hôn ngày 05/5/2020 thì bà Ngô Thị H và ông Trịnh Văn S có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn năm 2003, đến nay hôn nhân của ông bà vẫn còn tồn tại, chưa ly hôn. Nên xác định bà H và ông S là vợ chồng hợp pháp. Ông S và bà H sống và sinh hoạt chung trong gia đình nên cần buộc ông Trịnh Văn S có trách nhiệm liên đới trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[9] *Xét lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đ* là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị Như Y được chấp nhận toàn bộ nên bà H, ông S pH liên đới chịu án phí là:

81.500.000 đồng x 5% = 4.075.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

Căn cứ khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phạm Thị Như Y đối với bà Ngô Thị H và ông Trịnh Văn S về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

2. Buộc bà Ngô Thị H và ông Trịnh Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Phạm Thị Như Y số tiền 81.500.000 đồng (Tám mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Ngô Thị H và ông Trịnh Văn S phải liên đới chịu là 4.075.000 đồng (Bốn triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Phạm Thị Như Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.037.500 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0005944 ngày 11 tháng 9 năm 2019 và biên lai thu số 0010672 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BÌNH Đ, tỉnh BẾN T.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Phạm Thị Như Y, bà Ngô Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Trịnh Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến T (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đ;
- Chi cục THADS huyện Bình Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Loan